

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/HS-ST

Ngày 16/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Dương.

Bà Đặng Thị Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1 tỉnh T2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HS ngày 02/8/2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc T3, sinh ngày 15/11/1984, tại huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã NH, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Lê Thị Đ; bị cáo có vợ là Lê Thị Tr (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: 01 (Ngày 29/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện T1 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 2 năm theo Quyết định số 12/QĐ-TA, đã chấp hành xong); nhân thân: Ngày 16/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T1 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 04/QĐXLHC-TA. Đến ngày 27/9/2018 T3 chấp hành xong Quyết định. Ngày 28/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 54/2019/HSST. Ngày 17/9/2020 đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích; bị tạm giữ từ ngày 16/4/2024 đến ngày 22/4/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T1; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Trọng Th1, sinh ngày 12/5/1985, tại huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn PTT, xã PC, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th (đã chết) và bà Trần Thị Thanh L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/4/2024 đến ngày 22/4/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T1; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Tô Hồng V, sinh năm 1981, trú tại thôn TrN, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 (vắng mặt).

- Người làm chứng:

Anh Trần Văn H, sinh năm 1989, trú tại thôn Đ, xã TT, huyện T1, tỉnh T2 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 16/4/2024, Trần Trọng Th1 đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Trần Ngọc T3 hẹn gặp Th1 tại đoạn đường Km 18 thuộc địa phận xã An Ninh, huyện T1. Th1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu LONCIN, Biển kiểm soát: xy đến địa điểm đã hẹn để gặp T3. Khi gặp Th1, T3 nảy sinh ý định sử dụng chất ma túy nên đưa cho Th1 150.000 đồng mục đích để cả hai cùng đi mua ma túy về sử dụng chung, Th1 đồng ý sau đó cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô chở T3 đến chân cầu TRL, thuộc địa phận thôn LP, xã TL, huyện T1 thì dừng lại. Th1 bảo T3 đứng chờ, còn Th1 tiếp tục điều khiển xe đi quanh khu vực cầu TRL tìm mua ma túy. Tại đây Th1 gặp 1 người đàn ông không rõ tên, địa chỉ, do nghi ngờ người này có ma túy bán nên Th1 hỏi mua 150.000 đồng tiền ma túy loại Heroin, người này đồng ý nhận tiền rồi đưa lại cho Th1 1 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, bên trong có 1 gói ma túy loại Heroin có khối lượng 0,1420 gam được gói bằng giấy tráng kim màu trắng. Nhận gói ma túy, Th1 cầm ở tay trái rồi điều khiển xe quay lại khu vực đường trước cửa nhà anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1984, thuộc thôn LP, xã TL, huyện T1 để đón T3. Gặp T3, Th1 đưa cho T3 vỏ bao thuốc lá có chứa ma túy, T3 cầm cất vào trong túi áo khoác bên trái đang mặc định tìm nơi sử dụng thì bị Công an huyện T1 phát hiện. Quá trình làm việc, T3 đã tự giác giao nộp 1 vỏ bao thuốc lá bên trong có chứa gói ma túy có đặc điểm như trên và khai nhận đây là ma túy mà T3 và Th1 vừa mua về để cả hai cùng sử dụng. Công an huyện T1 đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý và niêm phong số vật chứng nói trên vào 1 phong bì thư dán kín theo quy định của pháp luật.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Ngọc T3 và Trần Trọng Th1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 không phát hiện thu giữ gì thêm.

Tại Bản Kết luận giám định số 540/KL-KTHS ngày 19/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy; loại Heroin (Heroine); có khối lượng 0,1420 gam. *Heroin STT: 09 Danh mục IA phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.*

Tại Cáo trạng số 74/CT-VKSTH ngày 22/7/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố Trần Ngọc T3, Trần Trọng Th1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố:

- Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên

bố bị cáo Trần Ngọc T3 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 3 (ba) tháng tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố bị cáo Trần Trọng Th1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 6 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 cũng đề nghị xử lý về vật chứng, án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Trần Ngọc T3, Trần Trọng Th1 đều khai nhận: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 16/4/2024, tại đoạn đường khu vực trước cửa nhà anh Nguyễn Thành Tr thuộc thôn LP, xã TL, huyện T1, tỉnh T2, Công an huyện T1 phát hiện, bắt quả tang Trần Ngọc T3 đang tàng trữ trái phép 1 gói ma túy, loại Heroin có khối lượng 0,1420 gam. Đi cùng T3 là Trần Trọng Th1; Th1 và T3 khai nhận đây là Heroin Th1 và T3 vừa mua, mục đích để sử dụng chung.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Ngọc T3, Trần Trọng Th1 phù hợp và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét chỗ ở; Các biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu và biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ; Bản kết luận Giám định số 540/KL-KTHS ngày 19/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2; Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy, bị cáo Trần Ngọc T3 là người đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy loại Heroine có khối lượng 0,1420 gam, đây là số ma túy bị cáo Trần Ngọc T3 đưa tiền cho Trần Trọng Th1 để Th1 mua, mục đích để sử dụng chung. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

[4.1] Các bị cáo Trần Ngọc T3, Trần Trọng Th1 là người sử dụng ma túy, biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, đồng thời là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn khác cho xã hội. Bị cáo T3 có tiền sự: Ngày 29/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện T1 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 2 năm theo Quyết định số 12/QĐ-TA, ngày 7/5/2023 T3 chấp hành xong Quyết định; có nhân thân: Ngày 16/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T1 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 04/QĐXLHC-TA. Đến ngày 27/9/2018 T3 chấp hành xong Quyết định. Ngày 28/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 54/2019/HSST. Ngày 17/9/2020 bị cáo chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích. Tuy nhiên, bị cáo T3 không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng rèn luyện, vẫn sử dụng ma túy, đưa tiền cho Th1 đi mua ma túy và tàng trữ ma túy mục đích để cả T3 và Th1 cùng sử dụng chung. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an, hành vi này gây nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý. Cần áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện. Do các bị cáo là người nghiện ma túy, mua ma túy để sử dụng cho bản thân, không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4.2] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, do có nhu cầu sử dụng ma túy, bị cáo T3 chủ động đưa tiền cho bị cáo Th1 (150.000 đồng) để Th1 đi mua ma túy để sử dụng chung, do vậy bị cáo T3 là người khởi xướng, trực tiếp đưa tiền, tàng trữ ma túy trên người khi bị phát hiện nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Th1 đồng ý sử dụng ma túy và là người trực tiếp đi mua ma túy, khi đã mua được ma túy, đưa cho T3 cất giấu trên người, đang trên đường tìm nơi sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ, nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4.3] Hội đồng xét xử cũng xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo T3, Th1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều

51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Trong vụ án này: Bị cáo Trần Trọng Th1 khai mua của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực gầm cầu Trà Lý thuộc địa phận thôn LP, xã TL, huyện T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã xác minh nhưng không xác định được người bán ma túy cho Th1 nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 0,1158 gam Heroin hoàn lại sau giám định cùng bao gói trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 540/KL-KTHS ngày 19/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu LONCIN, Biển kiểm soát: xy đã qua sử dụng, quá trình điều tra và tại phiên toà xác định, nguồn gốc của chiếc xe mô tô trên là của anh Tô Hồng V, sinh năm 1981, trú tại thôn TrN, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, Trần Trọng Th1 mượn xe anh V, anh V không biết Th1 sử dụng xe của mình để đi mua ma túy, anh V có nguyện vọng xin lại chiếc xe trên làm phương tiện đi lại, Hội đồng xét xử xác định đây là nguyện vọng chính đáng của anh V, cần chấp nhận.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Trần Ngọc T3, Trần Trọng Th1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Xử phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T3 02 (hai) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Trọng Th1 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,1158 gam Heroin hoàn lại sau giám định cùng bao gói trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 540/KL-KTHS ngày 19/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2.

- Trả lại anh Tô Hồng V, sinh năm 1981, trú tại thôn TrN, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 01 xe mô tô nhãn hiệu LONCIN, Biển kiểm soát: xy đã qua sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 22/7/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trần Ngọc T3, Trần Trọng Th1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm..

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 16/8/2024; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- CA; Nhà tạm giữ CA huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

